

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/DS-ST
Ngày: 21-4-2026
V/v “Tranh chấp về hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

Ông Danh Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lượng Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp G, xã V, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Ngọc T1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp G, xã K, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lượng Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2023, ông Dương Ngọc T1 có tham gia 02 dây hui vụ do bà T làm đầu thảo, ông T1 đã hốt hui nhưng sau đó không đóng lại hui chết, bà T đã đóng choàng hui cho ông T1 nên yêu cầu ông T1 trả lại tiền hui chết bà T đã đóng thay, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hui 5.000.000 đồng, hui vụ, mở hui ngày 19/01/2019 (âm lịch), hui gồm 13 phần, mỗi năm mở hui 02 lần đông xuân và hè thu (tháng 01, 02 và tháng 6, 7 âm lịch hàng năm), dây hui này ông T1 tham gia 01 phần và đóng hui sống được 05 lần. Đến vụ hè thu năm 2021 thì ông T1 hốt hui được số tiền 44.200.000 đồng, bà T đã giao tiền hui vào ngày 29/6/2021 âm lịch cho ông

T1 và có yêu cầu ông T1 ký tên xác nhận. Sau đó ông T1 đóng hụi chết đến hè thu năm 2024. Đến vụ đông xuân năm 2025 ông T1 không đóng nên bà T phải đóng choàng hụi thay ông T1 số tiền 5.000.000 đồng nên yêu cầu ông T1 phải trả lại bà T số tiền 5.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu trả tiền lãi. Dây hụi này hiện đã mẫn vào vụ đông xuân năm 2025.

Dây thứ hai: Hụi 10.000.000 đồng, hụi vụ, mở hụi ngày 22/02/2023 (âm lịch), hụi gồm 12 phần, mỗi năm mở hụi 02 lần đông xuân và hè thu (tháng 01, 02 và tháng 6, 7 âm lịch hàng năm), dây hụi này ông T1 tham gia 01 phần và đóng hụi sống được 01 lần. Đến vụ hè thu năm 2023 thì ông T1 hốt hụi được số tiền 60.000.000 đồng, bà T đã giao tiền hụi vào ngày 01/7/2023 âm lịch cho ông T1 và có yêu cầu ông T1 ký tên xác nhận. Sau đó ông T1 đóng hụi chết đến hè thu năm 2024. Đến vụ đông xuân và hè thu năm 2025 ông T1 không đóng nên bà T phải đóng choàng thay ông T1 số tiền mỗi vụ là 10.000.000 đồng nên yêu cầu ông T1 phải trả lại bà T số tiền 20.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu trả tiền lãi. Dây hụi này hiện chưa đã mẫn, đến vụ hè thu năm 2028 mới mẫn hụi.

Bị đơn ông Dương Ngọc T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 21/4/2026, nguyên đơn bà T vẫn giữ quan điểm như đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hụi”. Bị đơn cư trú tại ấp G, xã K, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về số tiền nợ hụi nguyên đơn đã đóng choàng cho bị đơn; Bị đơn vắng mặt, không thể hiện ý kiến nên Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Nguyên đơn cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là danh sách các thành viên tham gia 02 dây hụi vụ đều có ghi tên ông Dương Ngọc T1 và biên nhận nhận tiền hụi có chữ viết, chữ ký của ông T1, cụ thể biên nhận ngày 29/6/2021 ông Dương Ngọc T1 có ký nhận số tiền hụi 44.200.000 đồng do bà T giao và có nội dung ghi chú: sau khi hốt hụi còn phải đóng lại 07 lần theo các vụ đông xuân và hè thu đến đông xuân năm

2025 là đủ; Biên nhận tiền hui ngày 01/7/2023, ông Dương Ngọc T1 ký nhận số tiền hui 60.000.000 đồng do bà T giao và có ghi thêm nội dung, sau khi hốt hui ông T1 có trách nhiệm đóng lại hui chết cho đầu thảo 10.000.000 đồng/vụ và đóng đến vụ hè thu năm 2028. Như vậy có căn cứ xác định ông Dương Ngọc T1 có tham gia dây hui vụ 5.000.000 đồng mở ngày 19/01/2019 âm lịch và dây hui vụ 10.000.000 đồng mở ngày 22/02/2023 âm lịch do bà Lượng Thị T làm đầu thảo và ông T1 đã hốt cả 02 dây hui và còn nợ bà T tiền hui chết từ vụ đông xuân 2025 (đối với dây hui vụ 5.000.000 đồng) và nợ tiền hui chết vụ đông xuân và hè thu năm 2025 (đối với dây hui vụ 10.000.000 đồng), bà T đã đóng hui thay nên ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà T 25.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường.

Ngoài ra, bà T còn cung cấp được tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc ông T1 có tham gia 02 dây hui nói trên, đã vi phạm nghĩa vụ đóng tiền hui, bà T đã đóng thay và đã khởi kiện ông T1 đã được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh) giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2025/QĐST-DS ngày 12/02/2025, theo đó ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền hui đã đóng thay là 40.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về tiền lãi: Do bà T không yêu cầu là quyền tự định đoạt của đương sự, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị Định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lượng Thị T về việc “Tranh chấp về hui” với ông Dương Ngọc T1.

Buộc ông Dương Ngọc T1 có nghĩa vụ trả cho bà Lượng Thị T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tiền nợ hui.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông Dương Ngọc T1 phải chịu 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho bà Lượng Thị T 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tiền số 0011445 ngày 10/11/2025.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 9-Tây Ninh;
- Phòng THADS KV9, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh